

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HS-ST

Ngày: 16-5-2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: **Lưu Xuân Thảo**.

Bà: **Đàm Thị Hảo**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Bào Kim Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hứa Thị Hồng Tươi** và ông **Ma Thế T** - Kiểm sát viên.

- Đại diện Trại tạm giam Công an tỉnh B tại điểm cầu thành phần: Ông **Lê Trọng C** - Chức vụ: Phó Đội trưởng Đội Cảnh sát bảo vệ.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn (điểm cầu trung tâm) và Trại tạm giam công an tỉnh B (điểm cầu thành phần), xét xử sơ thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2023/TLST-HS, ngày 07 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

- Bị cáo **Nông Phan T1** (Tên gọi khác: không), sinh ngày 27/7/1988 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Phan T2 và bà Bé Thị H; Vợ, con: Chưa có; tiền án: không; tiền sự: 01 (Ngày 21/7/2022 bị Chủ tịch UBND xã Đ, huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (Quyết định số: 720a/QĐ-XPHC)); Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Q và được trích xuất về Trại tạm giam công an tỉnh B để xét xử có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo **Mã Văn T3** (Tên gọi khác: B), sinh ngày 09/7/1990 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mã Văn T4 (Đã chết) và bà Hoàng

Thị K; Vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 (Ngày 20/01/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” (Bản án số 02/2020/HS-ST)); tiền sự: 01 (Ngày 10/5/2022 bị Chủ tịch UBND xã Y, huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (Quyết định số: 136/QĐ-XPHC)); Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Q và được trích xuất về Trại tạm giam công an tỉnh B để xét xử có mặt tại phiên tòa.

- Bị cáo **Đồng Xuân C1** (Tên gọi khác: không có), sinh ngày 09/4/1991 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Xuân Ú (Đã chết) và bà Mã Thị L; Vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: 01 (Ngày 10/5/2022 bị Chủ tịch UBND xã Y, huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (Quyết định số: 137/QĐ-XPHC)); Nhân thân: Ngày 21/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Ba bể xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” (Bản án số: 32/2015/HSST), bản án này bị cáo đã được xóa án tích; Ngày 06/9/2013, bị Công an xã C, huyện B xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (Quyết định số: 01/QĐ-XPHC); Ngày 27/8/2014, bị Công an xã C, huyện B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “*Gây rối trật tự công cộng*” (Quyết định số: 01/QĐ-XPHC); Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Q và được trích xuất về Trại tạm giam công an tỉnh B để xét xử có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại: Trường Trung học phổ thông B2.**

- Người đại diện theo pháp luật: Bà **Dương Thị L1**, Chức vụ: Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông B2. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thành K1**, Chức vụ: Phó Hiệu trưởng Trường Trung học phổ thông B2. Vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Trần Thái B1**, sinh năm 1994. Vắng mặt.

Địa chỉ: Tiểu khu B, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Bà **Triệu Thị L2**, sinh năm 1977. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 16/8/2022, khi bị cáo Mã Văn T3, bị cáo Đồng Xuân C1 đi xe khách đến thị trấn C, huyện B thì gặp bị cáo Nông Phan Thâm. Sau đó cả ba rủ nhau đi vào trường Trung học phổ thông B2 thuộc tiểu khu B, thị trấn C, huyện B để trộm cắp tài sản. Cả ba bị cáo đi bộ vào trường Trung học phổ thông B2, bị cáo T1 đứng ở sân còn bị cáo T3 và bị cáo C1 đi đến hành lang tầng 1 của dãy nhà học bộ môn thấy các hộp gắn trên tường có các bình khí CO2 MT (Bình chữa cháy)

nên bị cáo T3 và bị cáo C1 lấy trộm được mỗi người một bình, bị cáo C1 đưa bình chữa cháy cho bị cáo T1 và đi lên tầng 2 lấy trộm thêm 01 bình, cả ba bị cáo vác mỗi người một bình lên bãi đất trống sau trường học cùng nhau tháo chốt van, xả hết khí bên trong, xé hết nhãn mác và đem đến cơ sở thu mua phế liệu của Trần Thái B1 ở tiểu khu B, thị trấn C bán được 180.000 đồng (*Một trăm tám mươi nghìn đồng*), rồi cùng nhau tiêu hết. Sau đó bị cáo T1 đi về còn bị cáo T3 và bị cáo C1 ở lại thị trấn chơi. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày bị cáo T3 và bị cáo C1 tiếp tục vào nhà học bộ môn của trường Trung học phổ thông B2 lấy trộm 03 bình chữa cháy, bị cáo T3 vác 02 bình, bị cáo C1 vác 01 bình đi lên bãi đất trống sau trường học tháo chốt van, xả hết khí bên trong, xé hết nhãn mác và đem đến cơ sở thu mua phế liệu ở thôn N, xã Đ, huyện B bán cho Triệu Thị L2 được số tiền 210.000 đồng (*Hai trăm mười nghìn đồng*) bị cáo T3 và bị cáo C1 cùng nhau chi tiêu hết. Đến 19 giờ cùng ngày bị cáo T3 và bị cáo C1 lại tiếp tục vào trường Trung học phổ thông B2, lần này bị cáo T3 trực tiếp lấy trộm 01 bình đưa cho bị cáo C1 đem ra cổng xả hết khí, xé nhãn mác, bị cáo C1 một mình đem đi bán nhưng không bán được nên giấu vào cạnh đường ở thôn N, xã Đ, huyện B. Sau đó ông Nguyễn Thành K1 là Phó hiệu trưởng trường Trung học phổ thông B2 phát hiện bình chữa cháy bị mất đã đến cơ quan công an trình báo yêu cầu giải quyết. Cơ quan công an đã thu giữ được 07 vỏ bình chữa cháy do các bị cáo Mã Văn T3, Đồng Xuân C1, Nông Phan T1 trộm cắp tại trường Trung học phổ thông B2.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 72/KL-HĐĐG ngày 23/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, kết luận: Ba bình chữa cháy khí CO2 MT5 tại thời điểm ngày 16/8/2022 có giá trị là 2.010.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười nghìn đồng*). Bốn bình chữa cháy khí CO2 MT5 tại thời điểm ngày 16/8/2022 có giá trị là 2.680.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*). Tổng 07 bình chữa cháy khí CO2 MT5 có giá trị 4.690.000 (*Bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

Với hành vi trên, bản Cáo trạng số: 17/CT-VKSBB ngày 30/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”...

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Nông Phan T1 từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù của bản án số: 02/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2022.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Mã Văn T3 từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 66 tháng tù của bản án số: 01/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/8/2022.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Đồng Xuân C1 từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 20 tháng tù của bản án số: 01/2023/HS-ST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/8/2022.

- Về hình phạt bổ sung: Quá trình giải quyết vụ án xác định được các bị cáo không có tài sản, sống phụ thuộc vào gia đình, không có việc làm nên không có thu nhập gì. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thái B1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 phải liên đới bồi thường với số tiền 4.690.000 đồng, trong đó: Số tiền 2.010.000 đồng các bị cáo T3, T1, C1 phải liên đới bồi thường, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 670.000 đồng; số tiền 2.680.000 các bị cáo T3, C1 phải liên đới bồi thường cho bị hại, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 1.340.000 đồng, các bị cáo nhất trí bồi thường nhưng hiện nay chưa có tiền. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Thị L2 yêu cầu các bị cáo T3, C1 phải liên đới bồi thường số tiền 210.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền cho chị Triệu Thị L2 là 105.000 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan Triệu Thị L2.

- Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự xử lý vật chứng gồm: 04 (bốn) vỏ bình chữa cháy màu đỏ, bằng kim loại, van xả (mỏ vịt) của bình đã cong, vênh, hư hỏng, 03 (ba) vỏ bình chữa cháy màu đỏ, bằng kim loại, không có van xả (mỏ vịt). Quá trình giải quyết vụ án bị hại không yêu cầu lấy lại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 phải chịu án phí theo quy

định của pháp luật. Bị cáo Nông Phan T1 thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn toàn bộ án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị cáo T1.

Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội và không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt). Tuy nhiên, tại Cơ quan cảnh sát điều tra họ đã có lời khai đầy đủ. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản định giá tài sản và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Bản thân các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Các bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Các bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể: Khoảng 08 giờ ngày 16/8/2022 tại Tiểu khu B, thị trấn C, huyện B các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 đã cùng nhau trộm 03 bình chữa cháy của trường Trung học phổ thông B2 có tổng trị giá là 2.010.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười nghìn đồng*). Đến khoảng 13 giờ cùng ngày các bị cáo Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 trộm 03 bình chữa cháy và khoảng 19 giờ cùng ngày

các bị cáo Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 tiếp tục cùng nhau trộm 01 bình chữa cháy của trường Trung học phổ thông B2, 04 bình chữa cháy có tổng giá trị là 2.680.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*).

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể đã căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử lý các bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra để giáo dục các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong vụ án này các bị cáo cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công, tổ chức từ trước. Vì vậy khi xem xét trách nhiệm hình sự căn cứ vào nhân thân, tiền án, tiền sự, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt.

[3] *Về nhân thân, tiền án, tiền sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:*

- Về nhân thân, tiền án, tiền sự:

+ Bị cáo Nông Phan T1 có nhân thân xấu. Ngày 21/7/2022 bị Công an xã Đ, huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định số: 720a/QĐ-XPHC).

+ Bị cáo Mã Văn T3 có nhân thân xấu. Ngày 20/01/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 05 năm về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” (Bản án số 02/2020/HS-ST)); Ngày 10/5/2022 bị Chủ tịch UBND xã Y, huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (Quyết định số: 136/QĐ-XPHC).

+ Bị cáo Đồng Xuân C1 có nhân thân xấu. Ngày 21/8/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể xử phạt 04 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*” (Bản án số: 32/2015/HSST), bản án này bị cáo đã được xóa án tích; Ngày 06/9/2013, bị Công an xã C, huyện B xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (Quyết định số: 01/QĐ-XPHC); Ngày 27/8/2014, bị Công an xã C, huyện B xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “*Gây rối trật tự công cộng*” (Quyết định số: 01/QĐ-XPHC). Ngày 10/5/2022 bị Chủ tịch UBND xã Y, huyện B xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” (Quyết định số: 137/QĐ-XPHC).

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

+ Bị cáo Nông Phan T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Bị cáo Mã Văn T3 phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

+ Bị cáo Đồng Xuân C1 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Trong các giai đoạn tố tụng các bị cáo đều *"Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"* về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, hành vi của các bị cáo khiến quần chúng nhân dân bất bình lên án. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Song xét thấy các bị cáo là người nghèo ma túy không có tài sản gì, hiện đang sống phụ thuộc vào gia đình, không có việc làm để tạo ra nguồn thu nhập ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thái B1 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 phải liên đới bồi thường với số tiền 4.690.000 đồng, trong đó: Số tiền 2.010.000 đồng các bị cáo T3, T1, C1 phải liên đới bồi thường, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 670.000 đồng, số tiền 2.680.000 các bị cáo T3, C1 phải liên đới bồi thường cho bị hại, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 1.340.000 đồng, các bị cáo T1, T3, C1 nhất trí bồi thường nhưng hiện nay chưa có tiền. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Thị L2 yêu cầu các bị cáo T3, C1 phải liên đới bồi thường số tiền 210.000 đồng, cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền cho chị Triệu Thị L2 là 105.000 đồng, các bị cáo nhất trí bồi thường nhưng hiện nay chưa có tiền. Do đó, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Thị L2.

[5] *Về vật chứng:*

Đối với vật chứng gồm: 04 (bốn) vỏ bình chữa cháy màu đỏ, bằng kim loại, van xả (mỏ vịt) của bình đã cong, vênh, hư hỏng, 03 (ba) vỏ bình chữa cháy màu đỏ, bằng kim loại, không có van xả (mỏ vịt). Quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu lấy lại, căn cứ Điều 194 của Bộ luật Dân sự về quyền định đoạt của chủ sở hữu yêu cầu này phù hợp, có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng các bình chữa cháy này tuy bị hư hỏng, không sử dụng được nhưng vẫn là tài sản có giá trị, nên áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự để tịch thu hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.

[6] *Về các vấn đề khác:*

Đối với Trần Thái B1, Triệu Thị L2 là những người đã mua tài sản do các bị cáo trộm cắp nhưng họ đều không biết các tài sản này do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với bị cáo Nông Phan T1, ngày 12/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 10 tháng tù (Bản án số 02/2023/HS-ST), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/9/2022. Hiện nay bị cáo đang chấp hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo Nông Phan T1.

Đối với bị cáo Mã Văn T3, ngày 20/01/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 5 năm về tội “*Vận chuyển hàng cấm*” (Bản án số 02/2020/HSST); Ngày 12/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 30 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 01/2023/HS-ST) tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt là 66 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 18/8/2022 được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/9/2019 đến ngày 20/01/2020. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo Mã Văn T3.

Đối với bị cáo Đồng Xuân C1, ngày 12/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 20 tháng tù (Bản án số 01/2023/HS-ST), thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 18/8/2022. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của hai bản án đối với bị cáo Đồng Xuân C1.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo Mã Văn T3, Đồng Xuân C1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nông Phan T1 thuộc hộ cận nghèo và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo*: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3 (tên gọi khác: B1) và Đồng Xuân C1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nông Phan T1 13 (*Mười ba*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 10 (*Mười*) tháng tù của bản án số 02/2023/HS-ST ngày 12/01/2023. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 23 (*Hai mươi ba*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (23/9/2022).

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 56; Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mã Văn T3 20 (*Hai mươi*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 66 tháng tù của bản án số: 01/2023/HSST ngày 12/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Buộc bị cáo Mã Văn T3 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 86 (*Tám mươi sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (18/8/2022). (Bị cáo được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/9/2019 đến ngày 20/01/2020 của bản án số 02/2020/HSST ngày 20/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng).

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đồng Xuân C1 20 (*Hai mươi*) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 20 (*Hai mươi*) tháng tù của bản án số 01/2023/HS-ST ngày 12/01/2023. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 40 (*Bốn mươi*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (18/8/2022).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

- Buộc các bị cáo Nông Phan T1, Mã Văn T3 và Đồng Xuân C1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho Trường Trung học phổ thông B2 số tiền 4.690.000 đồng (*Bốn triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*), trong đó: mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Trường Trung học phổ thông B2 cụ thể như sau:

+ Số tiền 2.010.000 đồng (*Hai triệu không trăm mười nghìn đồng*) các bị cáo T3, T1, C1 mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 670.000 đồng.

+ Số tiền 2.680.000 (*Hai triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng*) các bị cáo T3, C1 mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền là 1.340.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Mã Văn T3 và Đồng Xuân C1 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho chị Triệu Thị L2 số tiền 210.000 đồng (*Hai trăm mười nghìn đồng*), trong đó: mỗi bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị Triệu Thị L2 số tiền là 105.000 đồng (*Một trăm linh năm nghìn đồng*).

Việc thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu hóa giá sung vào Ngân sách Nhà nước 04 (bốn) vỏ bình chữa cháy màu đỏ, bằng kim loại, van xả (mỏ vịt) của bình đã cong, vênh, hư hỏng, 03 (ba) vỏ bình chữa cháy màu đỏ, bằng kim loại, không có van xả (mỏ vịt).

(*Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/4/2023 giữa Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn với Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn*).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo Mã Văn T3 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Buộc bị cáo Đồng Xuân C1 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
- Miễn Toàn bộ án phí Hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nông Phan T .

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- Công an huyện Ba Bể;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Anh Tuấn